

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 609/2023/HS-PT
Ngày: 15/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;
Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;
Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hòa - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 718/2023/TLPT-HS ngày 11 tháng 7 năm 2023; do có kháng cáo của bị hại Nguyễn Quốc A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2023/HS-ST, ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

*** Bị cáo bị kháng cáo:**

Lâm Văn B, tên gọi khác: Không; sinh năm 1981 tại: Nam Định;

Nơi cư trú: Thôn B1, xã B2, huyện B3, tỉnh Hưng Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Kinh doanh tự do; con ông: Lâm Văn C (tên gọi khác Lâm Văn C1; Lâm Văn C2) đã chết; con bà: Đinh Thị D (tên gọi khác Đinh Thị D1) sinh năm 1948; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; bị cáo có vợ: Lê Thị E, sinh năm 1982; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 27/5/2022, bị TAND tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Ngày 17/11/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đình chỉ xét xử phúc thẩm do bị cáo rút kháng cáo.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/6/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên, có mặt.

*** Bị hại có kháng cáo:** Anh Nguyễn Quốc A, sinh năm 1986, có mặt.

Trú tại: phòng A1, tòa A2, chung cư A3, phường A4, quận A5, Thành phố Hà Nội.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo được Tòa án triệu tập:*

1. Anh Nguyễn Xuân F sinh năm 1982 và chị Nguyễn Thị F1 sinh năm 1987, đều có mặt;

Trú tại: Thôn F2, xã F3, huyện B3, tỉnh Hưng Yên.

2. Anh Lưu Đình G, sinh năm 1984, có mặt;

Trú tại: Thôn G1, xã G2, huyện B3, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu mua đất tại dự án H, thuộc khu công nghiệp H1, xã B2, huyện B3, tỉnh Hưng Yên nên tháng 05/2021, ông Nguyễn Quốc J và anh Nguyễn Quốc A đã gặp và thỏa thuận với Lâm Văn B về việc ông Nguyễn Quốc J và anh Nguyễn Quốc A mua thửa đất liền kề LK5 - 26 (*thửa đất số: 1704, tờ bản đồ số: 02, xã B2, huyện B3*) thuộc dự án H của Lâm Văn B với giá 2.400.000.000 đồng (thửa đất LK5 - 26 thời điểm đó chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất mà chỉ có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là Công ty cổ phần du lịch thương mại K - Chủ đầu tư dự án, bên nhận chuyển nhượng là vợ chồng anh Nguyễn Xuân F và chị Nguyễn Thị F1. Anh F, chị F1 đã đồng ý chuyển nhượng lô đất này cho Lâm Văn B trước đó với giá: 2.340.000.000 đồng. Ngày 06/5/2021, ông Nguyễn Quốc J đặt cọc số tiền 100.000.000 đồng; ngày 10/5/2021, giữa hai bên thỏa thuận bổ sung số tiền đặt cọc thêm 1.000.000.000 đồng, việc đặt cọc được lập thành hợp đồng đặt cọc. Sau khi hai bên ký kết hợp đồng, anh A đã chuyển khoản số tiền trên theo yêu cầu của Lâm Văn B.

Ngày 10/6/2021, ông Nguyễn Quốc J và anh Nguyễn Quốc A đưa tiếp cho Lâm Văn B số tiền: 1.280.000.000 đồng, trong đó đưa 480.000.000 đồng tiền mặt, chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Thị F1 do B cung cấp 800.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận số tiền: 20.000.000 đồng còn lại, bố con ông J sẽ trả tiếp khi ông J được cấp GCNQSD đất. Sau khi nhận tiền do Lâm Văn B trả theo thỏa thuận, chị F1 đã đưa bản chính phiếu thu tiền mua đất của Công ty K liên quan đến thửa đất trên cho bố con ông Nguyễn Quốc J. Lâm Văn B viết giấy biên nhận tổng số tiền: 2.380.000.000 đồng của ông Nguyễn Quốc J, hai bên thống nhất hẹn ngay sau khi thửa đất được cấp GCNQSD đất sẽ làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên chủ sử dụng cho ông Nguyễn Quốc J theo quy định.

Ngày 27/8/2021, vợ chồng anh F, chị F1 nhận được GCNQSD đất số: DC 009172 do Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp ngày 19/8/2021 đối với thửa đất số: 1704 nên đã cùng Lâm Văn B đến Văn phòng công chứng Phó L để ký thủ tục chuyển nhượng như thỏa thuận. Lúc này, Lâm Văn B liên lạc với

ông Nguyễn Quốc J, mục đích để ông J đến Văn phòng công chứng ký nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên từ vợ chồng anh F, chị F1 sang ông J. Nhưng do ông J đang sinh sống tại Hà Nội, là khu vực phong tỏa do dịch bệnh Covid - 19 nên không thể về Hưng Yên được, nên đã tin tưởng nhờ Lâm Văn B giúp hoàn thiện trước các thủ tục chuyển nhượng đất đối với bên bán (*vợ chồng anh F, chị F1*) để ông J sẽ ký, hoàn thiện sau. Theo đó, Lâm Văn B đã nhờ chị Trần Thị Z - Nhân viên Văn phòng công chứng Phó L soạn thảo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, để trống ngày, tháng và thông tin của bên nhận chuyển nhượng sau đó hướng dẫn vợ chồng anh F ký, lăn tay phần bên chuyển nhượng trên 05 Bản hợp đồng và trên tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (*chưa điền các thông tin trên tờ khai*). Toàn bộ các giấy tờ này do chị Z quản lý. Vợ, chồng anh F, chị F1 đã đưa GCNQSD đất bản chính cho Lâm Văn B.

Trong thời gian chờ ông Nguyễn Quốc J về ký hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng, do cần tiền tiêu xài nên Lâm Văn B nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 2.380.000.000 đồng đã nhận của ông Nguyễn Quốc J và anh Nguyễn Quốc A. Lâm Văn B đã thỏa thuận bán thửa đất số: 1704 nêu trên cho anh Lưu Đình G, sinh năm 1984, địa chỉ: thôn G1, xã G2, huyện B3 với giá 2.100.000.000 đồng. Ngày 19/10/2021, Lâm Văn B và anh Lưu Đình G đến Văn phòng công chứng Phó L theo yêu cầu của bị cáo B, chị Z đã soạn thảo, in thêm thông tin cá nhân của anh G vào mục bên nhận chuyển nhượng tại trang 01 của cả 05 Bản hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà anh F, chị F1 đã ký sẵn trước đó. Sau khi anh G ký, hoàn thiện đầy đủ thì Z mang hợp đồng cùng các tài liệu liên quan cho Công chứng viên Đinh Thị X kiểm tra và công chứng. Ngày 27/10/2021, Văn phòng đăng ký đất đai huyện B3 đã xác nhận anh Lưu Đình G là chủ sử dụng thửa đất số: 1704 trên GCNQSD đất.

Để che giấu hành vi chiếm đoạt tiền của bố con ông J, sau khi đã nhận tiền và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh G. Ngày 22/10/2021, Lâm Văn B đến nhà ông Nguyễn Quốc J tại số: V, ngõ V1, phường V2, quận V3, Thành phố Hà Nội và mang theo 06 Bản hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã chuẩn bị từ trước, có nội dung thể hiện vợ chồng anh Nguyễn Xuân F và chị Nguyễn Thị F1 chuyển nhượng thửa đất số: 1704 cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc J và bà Nguyễn Thị J1 và nói với vợ, chồng ông J ký trước rồi mang về Hưng Yên cho vợ, chồng anh F ký hoàn thiện để nộp cho Cơ quan chức năng làm thủ tục sang tên chủ sử dụng thửa đất cho vợ chồng ông J. Tin tưởng thông tin do Lâm Văn B đưa ra, vợ chồng ông J đã ký, lăn tay 06 Bản hợp đồng chuyển nhượng rồi giao lại cho bị cáo B, sau đó Lâm Văn B đã tiêu hủy 06 Bản hợp đồng này. Tuy nhiên, sau đó vào các ngày 07/11/2021; 01/12/2021 và ngày 16/12/2021 khi ông Nguyễn Quốc J nhắn tin hỏi kết quả chuyển nhượng đất thì Lâm Văn B đều đưa ra thông tin gian dối là đã hoàn thiện xong thủ tục chuyển nhượng và nộp cho cơ quan chức năng nhưng do ảnh hưởng của dịch Covid - 19 nên chưa có kết quả.

Ngày 29/12/2021, ông Nguyễn Quốc J đến phòng địa chính xã B2, huyện B3 hỏi thì biết Lâm Văn B không làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất cho ông

mà đã làm chuyển nhượng cho người khác. Tháng 02/2022, ông Nguyễn Quốc J làm đơn tố cáo Lâm Văn B đến Công an tỉnh Hưng Yên.

Tại bản kết luận giám định số: 100/KL-KTHS ngày 05/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: Chữ viết, chữ ký đề tên “Lâm Văn B” dưới mục BÊN NHẬN CỌC trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Lâm Văn B trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký, viết ra. Chữ ký dưới mục “Bên nhận tiền (bên A)” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký của Lâm Văn B trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký ra.

Bản kết luận giám định thuế số: 6679/KLGĐTP-CTHYYE ngày 28/11/2022 của Tổ giám định tư pháp Cục thuế tỉnh Hưng Yên, xác định: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh Nguyễn Xuân F, Nguyễn Thị F1 với anh Lâm Văn B và việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Lâm Văn B với anh Lưu Đình G không khai thuế, sử dụng chứng từ, tài liệu không phản ánh đúng giá trị giao dịch thực tế để xác định sai số tiền thuế phải nộp là hành vi trốn thuế, cụ thể: Vợ chồng Nguyễn Xuân F, Nguyễn Thị F1 trốn thuế thu nhập cá nhân: 4.800.000 đồng; Lâm Văn B trốn thuế thu nhập cá nhân: 42.000.000 đồng. Ngày 26/8/2022, anh Lưu Đình G tự nguyện nộp bổ sung: 9.150.000 đồng tiền lệ phí trước bạ nhà đất đối với thửa đất số: 1704 và nộp bổ sung: 36.600.000 đồng tiền thuế thu nhập cá nhân cho anh Nguyễn Xuân F.

Quá trình điều tra, ông Nguyễn Quốc J và anh Nguyễn Quốc A yêu cầu Lâm Văn B trả lại bố, con ông số tiền: 1.580.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và bồi thường số tiền: 1.100.000.000 đồng vì đã vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng đặt cọc ngày 06/5/2021. Yêu cầu anh F, chị F1 phải trả cho bố, con ông số tiền: 800.000.000 đồng anh A đã chuyển cho chị F1 ngày 10/6/2021 theo yêu cầu của Lâm Văn B và tiền lãi phát sinh theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2023/HS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã tuyên bố bị cáo Lâm Văn B phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản;

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn B 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội ”Đánh bạc” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2022/HSST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là: 18 (mười tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2022, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ trong bản án số: 37/2022/HSST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên từ ngày 24/5/2021 đến ngày 02/6/2021.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; 585; 586 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lâm Văn B phải trả cho ông Nguyễn Quốc J, sinh năm 1956, Trú tại: Tổ 12, phường V2, quận V3, Thành phố Hà Nội và anh Nguyễn Quốc A, sinh năm 1986, Trú tại: phòng A1, tòa A2, chung cư A3, phường A4, quận A5, Thành phố Hà Nội số tiền đã chiếm đoạt và lãi suất gồm: Số tiền gốc: 2.380.000.000đồng (*hai tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn*) và số tiền lãi từ ngày 01/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2023 là: 474.956.712 đồng (*bốn trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng*). Tổng cộng là: 2.854.956.712 (*hai tỷ tám trăm lăm mươi bốn triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng*).

Ngoài ra bản án còn buộc trách nhiệm chịu lãi suất chậm thi hành án, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/6/2023 bị hại là anh Nguyễn Quốc A có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Xuân F, chị Nguyễn Thị F1 với anh Lưu Đình G là trái pháp luật; bởi vì hợp đồng được cắt ghép chữ, tên để hợp thức hóa, nên đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng này vô hiệu.

Đề nghị Tòa án xác minh, làm rõ trách nhiệm của anh Nguyễn Xuân F và chị Nguyễn Thị F1; vì anh F và chị F1 đã nhận của anh A số tiền 800.000.000đ nội dung để chuyển tiền mua lô đất LK5-26 Phố H để buộc anh F, chị F1 phải trả cho anh số tiền 800.000.000đ.

Đề nghị Tòa án xác minh, làm rõ trách nhiệm dân sự của chị Lê Thị E (là vợ bị cáo B) để buộc chị E liên đới trả tiền cho anh A, ông J.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

- Về kháng cáo của bị hại Nguyễn Quốc A liên quan đến trách nhiệm của anh Nguyễn Xuân F, chị Nguyễn Thị F1 thấy: Việc anh Nguyễn Quốc A chuyển cho chị Nguyễn Thị F1 số tiền 800.000.000đ là sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Quốc J, anh Nguyễn Quốc A với bị cáo Lâm Văn B; sau khi chuyển tiền thì chính bị cáo B là người đã xác nhận số tiền đã nhận vào giấy biên nhận và bị cáo đã nhận trách nhiệm đối với số tiền này, nên không liên quan đến anh F, chị F1.

- Về kháng cáo của bị hại liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Xuân F, chị Nguyễn Thị F1 với anh Lưu Đình G không liên quan đến vụ án này, cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết nên không thuộc phạm vi giải quyết của cấp phúc thẩm.

- Về xem xét trách nhiệm của chị Lê Thị E: Đây là hình vi phạm tội của bị cáo Lâm Văn B, không có căn cứ chứng minh chị E đồng phạm với bị cáo B, chị E cũng không sử dụng số tiền do bị cáo chiếm đoạt được, nên kháng cáo của bị hại không có căn cứ.

Từ các phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thấy rằng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quốc A, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quốc A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lâm Văn B thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã mô tả và quy kết. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo như bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, bị cáo chấp nhận, nên không kháng cáo. Do bị cáo không kháng cáo, cũng không bị kháng cáo, kháng nghị liên quan đến tội danh, hình phạt nên phần này đã có hiệu lực pháp luật nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Quốc A, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về kháng cáo đề nghị xem xét trách nhiệm của anh Nguyễn Xuân F và chị Nguyễn Thị F1: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện; do có nhu cầu mua đất nên ông Nguyễn Quốc J và anh Nguyễn Quốc A là trực tiếp giao dịch với bị cáo Lâm Văn B, hai bên thỏa thuận bị cáo Lâm Văn B chuyển nhượng thửa đất LK5-26 tại dự án khu đô thị Phố H cho ông Nguyễn Quốc J và anh Nguyễn Quốc A. Mặc dù tại thời điểm thỏa thuận thì thửa đất trên chưa được cấp GCNQSD đất, nhưng chủ sử dụng đứng tên trong hợp đồng mua bán thửa đất này với Công ty cổ phần du lịch thương mại K là anh Nguyễn Xuân F và chị Nguyễn Thị F1; ông Nguyễn Quốc J và anh Nguyễn Quốc A đều nhận thức được điều này, nhưng quá trình giao dịch, mua bán chỉ thực hiện với bị cáo Lâm Văn B; việc ký hợp đồng đặt cọc, thay đổi nội dung hợp đồng đặt cọc và thanh toán tiền đặt cọc đều ông Nguyễn Quốc J, anh Nguyễn Quốc A thực hiện với bị cáo Lâm Văn B; mọi giao dịch đều được công khai, minh bạch. Đến ngày 10/6/2021, khi thanh toán giá trị hợp đồng chính ông Nguyễn Quốc J, anh Nguyễn Quốc A đồng ý, thỏa thuận với bị cáo Lâm Văn B và anh Nguyễn Xuân F, chị Nguyễn Thị F1 là ông J, anh A chuyển 800.000.000đ vào tài khoản của chị F1 thay bị cáo Lâm Văn B, đây là thỏa thuận về mặt dân sự, không trái pháp luật; tại thời điểm chuyển tiền này thì tội phạm chưa được thực hiện và hoàn thành; anh F và chị F1 vẫn thống nhất chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bị cáo Lâm Văn B; việc chuyển nhượng giữa anh Nguyễn Xuân F, chị Nguyễn Thị F1 đối với thửa đất trên đã được thực hiện, hoàn thành. Do đó, hành vi của anh Nguyễn Xuân F và chị Nguyễn Thị F1 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Lâm Văn B, nên cấp sơ thẩm không xem xét trách nhiệm của anh F, chị F1, cũng như không buộc anh F, chị F1 phải hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc J và anh Nguyễn Quốc A số tiền 800.000.000đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Đối với kháng cáo của anh Nguyễn Quốc A liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được ký kết giữa anh Nguyễn Xuân F, chị Nguyễn Thị F1 với anh Lưu Đình G, thấy: Đây là giao dịch dân sự được thiết lập giữa bị cáo Lâm Văn B với anh Lưu Đình G; mặc dù hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất được thể hiện giữa anh Nguyễn Xuân F, chị Nguyễn Thị F1 với anh Lưu Đình G, nhưng người đứng ra giao dịch là bị cáo Lâm Văn B; hợp đồng đã được công chứng và đã được sang tên cho anh Lưu Đình G; những người tham gia thực hiện giao dịch không có ai yêu cầu xem xét, nên Tòa án không có thẩm quyền xem xét để tuyên bố giao dịch vô hiệu như kháng cáo của anh Nguyễn Quốc A.

[2.3] Về kháng cáo liên quan đến trách nhiệm của chị Lê Thị E (vợ bị cáo Lâm Văn B) thấy: Trong vụ án này, bị cáo Lâm Văn B thực hiện hành vi phạm tội một mình, không có căn cứ có sự tham gia của chị Lê Thị E; số tiền chiếm đoạt được cũng không có căn cứ chứng minh chị E là người sử dụng, hoặc chứa chấp, nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bị cáo Lâm Văn B phải bồi thường cho bị hại là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định của pháp luật, tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quốc A.

[3] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Anh Nguyễn Quốc A không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Quốc A; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 80/2023/HS-ST ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Về án phí: Anh Nguyễn Quốc A không phải chịu án phí phúc thẩm

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 80/2023/HS-ST ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKS cấp cao Hà Nội;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Tòa án tỉnh Hưng Yên (02 bản);
- Sở tư pháp tỉnh Hưng Yên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm